TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

2. Ông Huỳnh Văn Dứt.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 894/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh AL

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1992; đia chỉ: ấp Thị 2, thị trấn CM, huyện Cm, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày, giữa ông L với bà Lâm Thị Hồng N do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; sau khi cưới hai vợ chồng chung sống bên nhà cha, mẹ vợ; hai vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không phù hợp, bà N làm ăn gây nợ nên bỏ nhà đi không liên lạc được, vợ chồng không còn chung sống từ đó đến nay. Hiện nay, ông L đang làm công nhân tại thành phố Long Xuyên. Nhận thấy, tình cảm không còn, nên ông L yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị Hồng N.

+ Về con chung: Giữa ông Nguyễn Văn L với bà Lâm Thị Hồng N có 01 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 06/5/2012, khi ly hôn ông L đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lâm Thị Hồng N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác, chứng minh cho yêu cầu của mình, tại phần tranh luận ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng.

- Bà Lâm Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L với bà Lâm Thị Hồng N;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ K, sinh ngày 06/5/2012 cho bà Lâm Thị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Văn L với số tiền 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị Hồng N, bà N cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà N đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng bà N vắng mặt tại phiên tào lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt bà N theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Thị Hồng N kết hôn do tự tìm hiểu, không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, ông L và bà N có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa ông L khẳng định không còn tình cảm với bà N, do cả hai đã tự sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tôn trọng nhau, bà N gây nợ nần đã bỏ nhà đi không liên lạc được, đến nay ông xác định không còn tình cảm, nên ông L yêu cầu ly hôn với bà N. Xét thấy, tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, khẳng định không còn tình cảm với bà N; hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gần gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, nhưng giữa ông L với bà N đã không còn sự chia sẻ, thường xuyên có những bất đồng, ông L cũng không còn tình cảm, nên việc xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Ngoài ra Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà N, nhưng bà N không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông L, bà N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, hôn nhân giữa ông L và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa ông Nguyễn Văn L với bà Lâm Thị Hồng N có 01 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 06/5/2012, khi ly hôn ông L đồng ý để bà N được tiếp tục nuôi con chung, tại phần tranh luận ông L thay đổi nội dung yêu cầu, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, ông L cũng khẳng định hiện con chung đang sống với bà N, và gia đình bà N. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cán bộ Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu K, theo đó cháu K hiện đang sống ổn định với bà N, cùng gia đình bên ngoại, cháu mong muốn tiếp tục sống với bà N. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của con được phát triển tốt, khi ly hôn, việc ông L đề nghị để bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với ý kiến của cháu K. Hiện nay, cháu K phát triển tốt về thể chất, tinh thần, nên việc tiếp tục giao cháu K cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ

sở, về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con bà N không có mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng bà không có ý kiến về yêu cầu nuôi con; vì thế việc ông L yêu cầu để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thống nhất, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông L tại phiên tòa. Vì vậy, ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động; thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2023.

[2.3] Về tài sản chung: Ông L xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Lâm Thị Hồng N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 111, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn bà Lâm Thị Hồng N;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Lâm Thị Hồng N. Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01 ngày 05 tháng 4 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Lâm Thị Hồng N, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Văn L với bà Lâm Thị Hồng N có 01 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 06/5/2012. Bà Lâm Thị Hồng N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 06/5/2012.

Bà Lâm Thị Hồng N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Văn L, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động; thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông L không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Ông L không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012829 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 11 năm 2022; ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn) đồng*, ông L có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng nuôi con tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Lâm Thị Hồng N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn L có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Lâm Thị Hồng N, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên